

**Lưu ý:** Trong sách có một số trang đánh dấu trang không hợp lý, tuy nhiên đây không phải lỗi ở Ban Biên Tập sách TUVIGLOBAL mà do sách gốc của tác giả nguyên bản như vậy. Vì vậy, mong quý vị lưu ý bỏ qua nếu có thắc mắc. Xin nhắc lại là chỉ sai về phần đánh số trang (nếu có), chứ không mất hoặc thiếu nội dung của sách.

Chân thành cảm ơn.



**CÂU  
CHUYỆN  
TỬ VI**

**Giáo Sư  
THIÊN PHÚC**



# MỤC LỤC

01. Khoa Tử Vi Đẩu Số Đông Phương được tạo lập như thế nào? 13
02. Tử Vi và Chiêm Tinh không phải khoa học. 15
03. Bí quyết giải đoán Tử Vi. 27
04. Bí quyết An Sao tính nhẩm trong bàn tay. 37
05. Một phát giác về Tử Vi. 51
06. Tử Vi Đông Phương một khoa tâm lý học. 59
07. Lá số Tử Vi Đông Phương đặt nhiều đường đi. 69
08. Tử Vi hướng dẫn đường đời. 77
09. Cung Thiên Di trong lá số Tử Vi Đông Phương. 83
10. Cung Phúc Đức trong lá số Tử Vi Đông Phương. 89
11. Người có thể cải sửa được mệnh trời. 93
12. Tử Vi là chìa khóa của định mệnh. 99
13. Cảm nghĩ về Lý Học Việt Nam. 107
14. Việc người chẳng khác việc trăng trên trời. 117
15. Luận về vòng Lộc Tôn. 126
16. Luận về lá số Mệnh Vô Chính Diệu. 131
17. Bát Quái trong lòng bàn tay. 137
18. Về trẻ sơ sinh phạm giờ. 143

19. Về giải đoán Nguyệt Hạn.	149
20. Về Thuốc Lỗ Ban.	157
21. Về Bùa Trấn Yểm.	165
22. Về Ngải và Thư Phù.	171
23. Về Tài Thần và Ông Địa.	177
23B. Cá Tính Con Người qua 12 con Giáp	182
25. Cách cúng: Sao - Hạn - Tam Tai.	195
26. Bói quẻ Tiền định.	201
27. Bói quẻ Lục Quái.	207
28. Bói quẻ Cửu Thiên Huyền Nữ.	215
29. Chọn ngày kén giờ.	225
30. So đôi tuổi vợ chồng.	237
31. Địa Lý Bát Trạch.	253
32. Xem Điềm biết trước việc gì sẽ xảy ra	267
33. Hôn lễ chọn ngày cưới hỏi	274
34. Lịch Âm Dương Đối Chiếu	281
35. Phong Thủy	289
36. Học Phái Thiên Lương Việt Nam	295
37. Tử Vi Đẩu Số toàn thư	301
- Những ngày Tết Nguyên Đán Âm Lịch	310
- Thư ngỏ ...	
- <b>Phụ lục:</b> Thắc mắc Tử Vi của bạn	



## KHOA TỬ VI ĐÔNG PHƯƠNG ĐƯỢC TẠO LẬP NHƯ THẾ NÀO ?

**D**o chỗ tử vi Đông Phương được tạo lập thế nào mà ta có thể tìm hiểu để biết được thực chất của khoa đoán số mạng này chăng ? dứt khoát là khoa Tử vi Đẩu số Đông Phương cũng như các môn lý số khác ở Á Đông ta (Tử bình, Nhâm độn, Kỳ môn độn giáp, Tướng, Mai hoa, Dịch số v.v...), được thành lập trên nền tảng căn bản của Dịch Lý Học.

Dịch Lý là khoa học tối cổ ở Á Đông, phát xuất từ Trung Quốc (theo giáo sư Lê Chí Thiệp, tác giả sách Kinh Dịch nguyên thủy, chứng minh rằng Kinh Dịch phát xuất từ xứ Việt Thường, mà tổ tiên người Việt Nam vào khoảng gần 3000 năm trước Tây lịch, là người nước Việt thường, phía nam sông Dương Tử, vùng Hồ Động đình và Phiên dương, và trung tâm điểm là thành Nam Xương, tỉnh Giang Tây Trung Quốc ngày nay), để nói lên lẽ chuyển biến trong trời đất, lẽ thiên địa tuần hoàn, sự kiện nhân thấy trong vũ trụ, trong thiên nhiên ( lẽ thành, trụ, hoại, không của muôn vật, sự vận chuyển năm tháng, bốn mùa, ngày và đêm), áp dụng vào sinh hoạt của một quốc gia dân tộc và áp dụng vào cuộc sống của mọi con người nữa.

Thọat đầu là Thái cực, phân ra lưỡng nghi Âm Dương, rồi tứ tượng, Bát quái, rồi 64 trùng quái, những trùng quái này cứ xoay

vẫn nối tiếp nhau, và cứ theo thứ tự mà diễn biến mãi vô tận. Một nhịp của thời tiết, tùy theo từng đợt dài ngắn, là một ngày, hay một năm, hay 60 năm tức là thời gian trung bình của một đời người. Một ngày thì có 12 giờ, một năm bốn mùa hay 12 tháng. Một kỷ 60 năm chia thành từng giáp 10 năm. Lịch sử loài người phân ra từng hội Giáp Tý, Giáp Tuất, Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn, Giáp Dần, Giáp là Mộc, Tý, Tuất, Thân, Ngọ, Thìn, Dần theo thứ tự là Thủy, Thổ, Kim, Hỏa, Thổ, Mộc.

Hàng can chỉ về chính quyền, vua chúa, hàng chi chỉ về dân chúng, cứ can sinh chi là vua chúa thương dân, can khắc chi là vua chúa độc tài, chi khắc can là dân chúng nổi lên làm cách mạng cướp chính quyền, chi sinh can là sự hoà đồng v.v... Xét ra từ thời vua Nghiêu, vua Thuấn đến nay, các hội nối tiếp nhau diễn tiến rất đúng theo nguyên tắc đã kể, nối hợp lại có 12 kỷ tức  $60 \times 12 = 720$  năm.

Sự vận chuyển 4 mùa, hết đông sang xuân, là hết bí đến thái, qua thái phải sang bì, hết hạ phải vào thu diễn tiến vô tận, vô cùng ...

Ở con người, đời người được chia ra từng đại vận 10 năm, đến Thái (Tam hợp Thái tuế) là lúc lên đỉnh cao nhất, nhưng vượt qua cái thái vào phải hồng, nên tam hợp thiếu dương đứng chơ vơ, thiên không chủ trì suy thoái. Cuộc đời nói nét chính, vận hành với các bộ tam hợp trong vòng thái tuế, tức là tam hợp thái tuế, rồi tam hợp thiếu dương rồi tam hợp tuế phá, rồi tam hợp thiếu âm hay dở trong đại cương cứ thế mà tiếp nối vô tận cùng.

Phải chăng đó là một nét chính đầu tiên trong khoa Tử Vi Đẩu Số đoán số mạng của Đông Phương ? Nhưng thử hỏi lấy gì mà khởi phát ra những sự so sánh ấy ? Xin thưa là lấy giờ, lấy ngày, lấy tháng và lấy năm sinh ra chào đời, để so sánh với giờ, ngày, tháng, và năm của vận. Mọi yếu tố đó đều có một danh xưng, hay một nạp âm có can và chi, mỗi danh xưng đó mang

một trong hai ý niệm Âm và Dương, và một trong năm ý niệm ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Nhưng làm cách nào để an định một nạp âm cho một năm ? Xét ra, ngũ hành đã không phải là cái chất mà chỉ là cái khí. Thì người xưa phải có sự quan sát thiên nhiên rất tinh tế để có những an định rất chính xác mà khoa học tiến bộ ngày nay phải thừa nhận là đúng.

Như năm nào nóng nhiều, nắng nhiều (tương đối) phải là năm Hỏa, năm nào mưa nhiều, lụt lội nhiều phải là năm Thủy, năm nào cây cỏ phát triển nhiều phải là năm Mộc. Quan sát, an định rồi còn phải nghiệm lý theo dõi sự diễn tiến ấy ra sao rồi mới xác định hẳn. Và cuối cùng, người ta có những năm như Kỷ Mùi, Kỷ Sửu, Bính Thân là Hỏa và những người sinh ra đời vào các năm ấy phải có mạng Hỏa v.v...

Các tên sao trong khoa Tử Vi Đẩu Số Đông Phương cũng dứt khoát không phải là tên sao, mà là những tên lấy trong dịch lý, hay những tên có ý nghĩa về phúc, họa, giàu, nghèo, sang, hèn trong cuộc đời con người mà thôi ! Và như thế, kể cả các chính tinh, trung tinh tốt và hung tinh (vì sự quen dùng, xin đành phải gọi là Sao hay Tinh, Tinh đẩu, mặc dù đó chỉ là tên gọi lên một ý nghĩa trong cuộc đời thôi).

Các sao trong tử vi có tất cả 128 (2 lần 64 quẻ dịch) chữ Hán gọi là Tinh, là Tú, là Diệu. Các sách về chữ Hán, chữ Nôm của tiền nhân ta để lại thường là các bản chép tay như tử vi đẩu số, tử vi đẩu số giải âm, tử vi giải, tử vi đồ quái pháp, tử vi hà lạc Nhâm Thìn số, tử vi lập pháp, tử vi số, tử vi thập nhị cung đoán pháp và tử vi đại toàn. Sách tử vi đại toàn bản chép tay bằng chữ Hán của gia đình tôi đã được dịch ra Việt Ngữ trích đăng một phần trong nội san nghiên cứu Nho Y Lý Số và dùng làm tài liệu trích giảng trong khoá Tử Vi Giảng Minh tại Montreal, Québec, từ năm 1984 tới nay.

Nhưng cho đến nay, sách vở tử vi quốc ngữ sao dịch từ các sách Hán, Nôm, chỉ thấy khoảng 111 sao là thông dụng thôi. Xin liệt kê ra đây.

Tên sao	Nghĩa đen	Nghĩa cuộc đời
Tử vi	Sao vua, lãnh hiền	Cao cả nhưng cần phò tá
Thiên cơ	Bộ máy trời	Tháo vác thiên về cơ khí
Thái Dương	Dương lớn, mặt trời	Công danh
Thái Âm (nguyệt)	Âm lớn, mặt trăng	Sáng ban đêm, công danh
Vũ khúc	Sao võ, bát võ	Công danh, võ nghiệp
Thiên Đồng	Hòa vui trên trời	Lành, tu hành
Liêm Trinh	Liêm khiết và trinh khiết	Ngay thẳng
Thiên Phủ	Phủ trời, tế tướng	Chức lớn, lành
Tham lang	Chứng tham	Công danh nhưng còn tham
Cự môn	Cửa nhà giàu	Giàu có
Thiên tướng	Tướng nhà trời	Công danh tháo vác
Thiên lương	Lương thiện nhà trời	Hiền lương
Thất sát	Sát phạt	Công danh, sát phạt
Phá quân	Vua phá phách	Công danh đối lập
Thái tuế	Sao vua	Ban lãnh, ngay thẳng
Thiếu dương	Dương nhỏ	Thông minh
Tang môn	Cửa tang	Buồn hay lo
Thiếu âm	Âm nhỏ	Có lúc lảm lẩn
Quan phủ	Cửa nổi	Làm có suy nghĩ
Tử phu	Nổi trời	Suy vi
Tuế phá	Đối nghịch, Phá	Phá phách, đối đầu
Long đức	Đức rồng	Được phúc
Điếu khách	Khách điếu tang	Chuyện buồn
Trực phủ	Nổi trời	Suy vi
Đấu quân	Vua tình đấu	Việc lối
Thiên không	Số không nhà trời	Tan vỡ hết
Lộc tồn	Con lộc trời	Được lộc phát
Bác sĩ	Giỏi giang, biết nhiều	Thông minh, giỏi giang
Lực sĩ	Người khoẻ	Có lực
Thanh long	Rồng xanh	Các việc mau chóng
Tiêu hao	Hao nhỏ	Hao tán nhỏ

Tương quân	Ông tướng	Công danh, võ
Tấu thư	Sách vở	Công danh, văn
Phi liêm	Bay bổng	Việc nhanh chóng
Hỉ thần	Thần vui	Việc vui mừng
Bệnh phù	Bệnh	Bệnh, đau ốm
Dại hao	Hao lớn	Có sự hao tán lớn
Phục binh	Binh mai phục	Có kẻ rình rập làm hại
Quan phủ	Phủ quan	Có việc đến cửa công
Kinh dương	Sao hung (Kinh đô)	Có bị nạn, hoạn nạn
Đà la	Sao hung (Cấm)	Có bị nạn
Quốc ấn	Ấn nước	Công danh
Dương phủ	Nhà nổi	Không vững chắc
Tràng sinh	Sống lâu dài	Sống lâu, thọ
Mộc dục	Lòng dục	Ước muốn, ham muốn
Quan đới	Học làm quan	Học hành
Làm quan	Làm quan	Có địa vị, chức vị
Đế vượng	Đế vượng nhất	Thụ hưởng cả đời
Suy	Suy giảm	Suy vi, thối hoá
Bệnh	Bệnh	Đau ốm, bệnh hoạn
Tử	Chết	Xuống
Mộ	Yên dưới mộ	Yên ở mộ
Tuyệt	Tuyệt diệt	Tuyệt tịch
Thai	Thai nghén lại	Thai nghén
Dưỡng	Nuôi dưỡng trong bụng mẹ	Nuôi dưỡng
Triệt lộ không vong	Triệt căn dưỡng	Bị can ngăn
Tuần du không vong	Tuần căn dưỡng	Bị ngăn cản
Địa không	Thành số không	Mất tiêu, mất hết
Địa kiếp	Kiếp nạn	Mất tiêu, mất sạch
Hỏa tinh	Sao hỏa	Bị hạn
Linh tinh	Sao hỏa	Bị hạn
Cô thân	Thần cô độc	Đơn độc tan
Quả tú	Thần quả	Cô quả, iang
Kiếp sát	Kiếp hạn giết	Hạn phá
Phá toát	Phá, nghiền nát	Hạn phá
Thiên hư	Làm hư	Hạn cản, buồn
Thiên khốc	Làm khốc	hạn cản, buồn
Thiên Đức	Đức trời	Có đức thì được hưởng
Nguyệt đức	Đức nguyệt	Đức thì hưởng

Thiên thọ	Thọ trời	Bị tác giảm
Thiên tài	Cần che của trời	Bị tài giảm
Long trì	Ao rồng	Công danh
Phượng các	Gác phượng	Công danh
Giải thần	Thần giải hạn	Giải hạn
Tả phụ	Bên trái đỡ	Được người giúp đỡ
Hữu bội	Bên phải đỡ	Được người giúp sức
Văn khúc	Khúc văn	Công danh
Văn xương	Thần văn	Công danh
Tam thái	Ba danh	Công danh, thành công
Bát tọa	Tám vị	Công danh, thanh có uy
Ân quang	Ân sáng	Được phúc
Thiên quý	Ân trời	Được phúc trời
Thái phụ	Danh	Công danh
Phong cáo	Danh	Công danh
Lưu hà	Sông lớn chảy	hạn sông nước
Thiên trù	Vua ăn mặc của trời	Được phúc ăn mặc
Thiên phúc	Phúc trời	Được phúc trời
Thiên quan	Cửa trời	Công danh
Thiên khôi	Trời sáng	Công danh
Thiên việt	Vượt trời	Công danh
Thiên riêu	Trời mông lung	Rộng bao la, mông lung
Thiên y	Thầy thuốc của trời	Biết và làm về ngành y học
Hóa lộc	Hóa giải lộc	Có lộc giải hạn
Hóa quyền	Hóa quyền hành	Có quyền
Hóa khoa	Hóa khoa cử	Có danh tiếng, hay giải hạn
Hóa kỵ	Hóa ra thứ không ham	Bị ganh ghét, hạn
Đào hoa	Hoa đào	Công danh ngắn
Thiên mã	Ngựa trời	Việc thay đổi
Hoa cải	Hoa dầu	Công danh
Hồng loan	Xe loan hồng	Công danh, việc vui
Thiên hỉ	Trời vui	Công danh, việc vui
Thiên hình	Hình nhà trời	Tù tội, việc công
Lưu niên v.t.	Phúc trải qua năm tháng	Phúc được hưởng
Thiên thương	Trời tổn	Hạn
Thiên sử	Sử nhà trời	Hạn

ĐƯỢC TẠO LẬP NHƯ THẾ NÀO ?

Một vài bằng chứng để nói lên cái ý nghĩa tên sao không phải là tên sao đó là :

- Thiên la, Địa võng là lưới trời, lúc nào cũng ở hai cung số Thìn, Tuất và được coi là sao hay là một ý nghĩa kim hãm thì cũng đều được.

Cự	Liêm Tướng	Luơng	Sát
Tham			Đông
Nguyệt			Vũ
Tử Vi, Phủ	Cơ	Phủ	Nhật

- Thái dương, Thái âm được coi là mặt trời và mặt trăng, thật ra không thể so sánh với nhau, chẳng qua chỉ là những tên trong bộ tứ tượng : Thái dương, Thiếu dương, Thái âm, Thiếu âm.
- Những sao Đức, cùng với Thiên Phúc, hiển nhiên để nêu lên mặt hưởng phúc đức vậy.
- Văn khúc, văn xương nêu lên con đường văn nghiệp, sự nghiệp văn chương.
- Vũ khúc nêu lên con đường võ nghiệp, sự nghiệp võ biển.
- Hoá lộc, Hoá quyền, Hoá Khoa nêu lên đường tốt, có tiền bạc, có quyền hành, có danh vọng, công danh vinh hiển.
- Đào hoa chỉ cái đẹp của hoa đào hay cái hồng ửng xinh đẹp của cô gái 18 đôi mươi.
- Thiên hỉ, Hỉ thần là việc vui mừng. Hiển nhiên là những cái ý, không phải là tên tinh đầu gì đâu.

Nguyệt	Tham	Đông cự	Vũ Tướng
Liêm Phủ			Nhật Luơng
Phủ		Tử Vi	

Sự kiện này rất quan trọng, vì nó nói lên rằng chúng ta không chịu số mạng từ các sao và sự thật là chúng ta có một số mạng sẵn, mà người ta đi tìm bằng cách đặt ra những tên hay hoặc dở để tìm cách đặt vào cho đúng chỗ ở cung mạng trong lá số tử vi.

Chúng ta có thể tưởng tượng cách tạo lập, khoa tử vi có sơ lúc đầu của người xưa như sau :

Thời kỳ tối thượng cổ, đàn ông đi săn, đánh cá, đàn bà đi làm vườn và các cụ già ở nhà trông nom trẻ nhỏ. Được võ trang bằng khoa lý dịch các ông tạo ra những danh từ chính tinh, cung vòng Thái Tuế, và đặt

Tướng	Lương	Liêm sát	
Cự			
Tử Vi, Tham			Đông
Cơ Nguyệt	Phá	Nhật	Vũ Phá

vào bản địa bàn 12 cung để nêu lên cái mạng của người và là biến thái của vận hạn từng 10 năm theo dịch lý, hết Thái thì phải Bỉ, Bỉ mãi rồi phải Thái (vật cùng tắc biến, biến tắc thông) và qua những giai đoạn chính của 64 trùng quái, như Thủy Hỏa ký tế, Hỏa Thủy vị tế v.v... những đại vận 10 năm của con người nói lên cả lẽ bỉ thái luân chuyển, cho nên thái đừng kiêu căng mà bỉ đừng buồn nản, thất vọng.

**14** chính tinh đặt trong 12 cung số lại có một thần diệu. Không những chúng nêu lên từng ý nghĩa, chúng còn cho những lời khuyên rất thực tế. Chúng có 12 cách xếp đặt tùy theo tử vi đứng trong cung từ Tý đến Hợi, và đây là lời khuyên đặc sắc. Ta hãy chú ý nhìn vào 12 thế đứng của chính tinh, ở các hình vẽ, và nhìn vào thế nhị hợp của những chính tinh ở cung dương được chính tinh ở cung âm nhị hợp cho mình. Ta sẽ thấy các sao Tử vi, Thiên tướng, Thất sát, Cự môn không hề có nhị hợp ở cả 12 thế, khi chúng ở cung Dương. Trái lại các chính tinh khác trong thế nào ở cung Dương, cũng có nhị hợp như sau :

Liêm Tham	Cự	Tướng	Đông Lương
Nguyệt			Vũ sát
Phủ			Nhật
	Tử Vi	Cơ	

- Thiên Tướng có Liêm Trinh nhị hợp.
- Phá Quân có Thiên Cơ nhị hợp.
- Vũ khúc có Thái Âm nhị hợp.
- Tham lang có Thiên Đồng nhị hợp.

Và ý nghĩa của các nhị hợp hỗ trợ đó như sau :

- Đã là người hiền lương thì phải liêm khiết mới hay.
- Đã là thiên tướng lành thì phải sáng láng như mặt trời.
- Đã là đối kháng thì phải tháo vác, sành sỏi như thiên cơ.
- Đã là Tướng Võ thì phải sáng suốt âm tình như mặt trời.
- Đã là tính tham phải biết tu dưỡng (Thiên Đồng).

Những lời khuyên đó nói cho ta thấy một nét chính khác của Tử vi: Tử vi không những nêu lên số mạng mà còn thêm những lời khuyên để hoàn thành số mạng cho tốt đẹp. Tức là khoa Tử vi còn mạch nước chỉ đường cho con người cải đổi số mạng nữa. Ta sẽ thấy sự chỉ đường ấy còn tinh tế hơn nhiều. Chỉ đường tốt thì phải chịu số mạng xấu. Đường tốt, số mạng tốt, đường xấu, số mạng xấu, đều có ở mỗi cung số Tử vi. Trong cùng quan điểm này tôi đã viết mấy bài "Người có thể sửa chữa được mệnh trời" VNTP số 211 và "Tử vi Đông Phương và cái nghiệp của đạo Phật" Nội san Nghiên Cứu Nho Y Lý Số trong số Xuân Ất Sửu 1985.

Lương	Sát		Liêm
Tử Vi, Tướng			
Cơ Cự			Phá
Tham	Nhật Nguyệt	Vũ Phủ	Đông

Tử Vi, Sát			
Cơ Lương			Liêm Phá
Tướng			
Nhật cự	Vũ Tham	Đông Nguyệt	Phủ

Bây giờ xin nói tiếp đến sự tạo lập của khoa Tử vi đầu



số Đông Phương. Thọt đầu là các chính tinh, các hung tinh tốt đưa vào, kèm theo một số trung tinh. Thấy trong đại thể, tạm đúng nhưng còn đối với một số người, lại thấy không đúng. Đại khái, số (thô sơ) tướng tốt mà lại xấu, hay tướng xấu mà lại tốt.

Cơ	Tử Vi		Phá
Sát			
Nhật Lương			Liên Phủ
Vũ Tướng	Đông Cự	Tham	Nguyệt

Tiền nhân ta lại mò mẫm và tìm ra :

Có những sao ở cung này thì xấu mà ở cung kia thì tốt, tức là cho miếu địa, đắc địa, hoặc cho lạc hãm. Và không nhất thiết là so sánh hành sao và hành cung mà thấy miếu đắc hay hãm.

Miếu đắc hay hãm là do kinh nghiệm, đó là lý do tại sao ta không thể giải thích sự miếu đắc của một chính tinh ở một cung số mà đáng lẽ phải hãm. Ta cứ tạm thời phải chấp nhận thế thôi.

Với một số người khác, phải giải thích sự tốt hay bớt xấu bằng một sao can hãm. Do đó xuất hiện Tuân và Triệt, với chỗ dùng của nó, cũng phải do sự mò mẫm tìm ra.

Với một số người có sự xấu bất thường (ngoài thiên không) phải đặt ra những sao mới cho đúng ý nghĩa và tìm ra cho đúng trong cung số. Như Thiên Hình tính từ cung Dậu, theo tháng. Như Không, Kiếp, tính từ cung Hợi, theo giờ.

	Cơ	Tử Vi, Phá	
Nhật			Phủ
Vũ Sát			Nguyệt
Đông Lương	Tướng	Cự	Liên Tham

Có người hỏi sao lại tính theo tháng, từ cung Dậu là sao ? Tại sao lại tính theo giờ, từ cung Hợi là thế nào ? Xin thưa là không vì lý do nào, hoàn toàn là do kinh nghiệm, và đã có kiểm lại cung theo kinh nghiệm và thấy

đúng, nên chấp nhận. Phải chăng sự kiện đó là do số mạng và như thế là có số mạng thật.

Nhưng rồi lại cũng những người có số mạng như nhau, cũng bị hạn nặng

Thiên Hình hay Không, Kiếp, mà có người bị hạn, có người lại không bị. Tìm tòi nữa ra những người không bị hạn mặc dù gặp Thiên Hình, Không hay Kiếp có thể là vì họ hành mạng tốt, hay vì họ được năm tốt, vận tốt, hay vì họ được tuấn, triệt can hãm tai nạn, hay khác hơn nữa vì họ đã hành động cải số có hiệu quả. Ở đây, có yếu tố cuối cùng của số mạng mà các nhà sáng tạo Tử vi tìm ra và kiểm nghiệm. Người nào được cung phúc đức tốt, thì các phúc tốt đó được phát ra cho tất cả các cung, tất cả các vận, cung nào và vận nào mà xấu thì cung phúc đến giải cứu ngay. Ngoài ra, là ảnh hưởng của các sao thuộc bộ tứ đức (long đức, Thiên đức, Nguyệt đức, Phúc đức) không phải hiện diện để giải cứu sông mà chỉ giải cứu cho những ai có những hành động phúc đức thật tốt. Khoa Tử vi lầm liệt ở chỗ nào ? Nó đưa ra một con đường tốt để cải đổi số mạng cho những người biết làm việc phúc đức mà thôi.

Nhật	Phá	Cơ	Tử Vi, Phủ
Vũ			
Đông			Tham
Sát	Lương	Liên Tướng	Cự

Vũ Phá	Nhật	Phủ	Cơ
Đông			Tử Vi, Tham Cự
	Liên Sát	Lương	Tướng

Vai trò Thiên Thọ, Thiên Tài, Thiên Phúc, Thiên quan cũng tương tự. Thiên Tài và Thiên Phúc đóng trọn vai trò giải hạn cho những ai làm việc phúc ở thiên thọ và thiên phúc. Biết rõ điều này, hẳn là vì người xưa đã có quan sát chiêm nghiệm đầy đủ về những tương hợp làm việc phúc rồi được hưởng phúc, được giải họa...